

Bản án số: 11/2020/DS-ST  
Ngày 08/9/2020  
“V/v *Tranh chấp về hợp đồng  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Nhỏ.

2. Bà Nguyễn Thị Như Thủy.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Thị Thanh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Trần Thị N, sinh năm 1972; Địa chỉ: tổ 8, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

***Bị đơn:*** Lê Thị Cẩm H, sinh năm 1977; Địa chỉ: thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 14/7/2020 và bản tự khai ngày 24/7/2020, chị Trần Thị N trình bày: Ngày 27/3/2015 (âm lịch) chị Lê Thị Cẩm H mượn chị N số tiền 15.000.000đồng và ngày 20/4/2016 chị H mượn tôi số tiền 15.000.000đồng. Tổng cộng 30.000.000đồng. Chị H hứa trả dần mỗi tháng 1.500.000đồng, nhưng chị H trả được 9.000.000đồng sau đó không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ mặc dù chị N đã nhiều lần đòi nợ. Nay chị N yêu cầu Tòa án buộc chị H trả số tiền còn lại là 21.000.000đồng, chị N không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 21/8/2020 chị H thừa nhận còn nợ chị N số tiền là 21.000.000đồng. Hiện tại gia đình chị H có hoàn cảnh khó khăn nên chị H xin được trả dần cho chị N mỗi tháng 500.000đồng.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp bao gồm: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của Trần Thị N; 01 giấy mượn tiền và bản tự khai ngày 24/7/2020.

Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: 01 bản tự khai ngày 21/8/2020.

Tại biên bản hòa giải ngày 24/8/2020 giữa các đương sự thống nhất được chị Lê Thị Cẩm H có nợ chị Trần Thị N số tiền gốc là 21.000.000đồng.

Giữa các bên không thống nhất được thời gian và phương thức trả nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết buộc chị Lê Thị Cẩm H phải trả toàn bộ số tiền đã mượn. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

[2] Xét về nội dung vụ án: Qua lời khai của N tại phiên tòa và các chứng cứ do các đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận vào ngày 27/3/2015 (âm lịch) chị H mượn chị N số tiền 15.000.000đồng và ngày 20/4/2016 chị H mượn chị N số tiền 15.000.000đồng, tổng cộng 30.000.000đồng. Chị H hứa trả dần mỗi tháng 1.500.000đồng, nhưng chị H trả được 9.000.000đồng sau đó không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ, mặc dù chị N đòi nợ nhiều lần nhưng chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay chị N yêu cầu Tòa án buộc chị H phải trả số tiền 21.000.000đồng.

Xét về giấy mượn tiền được xem là hợp đồng vay tài sản giữa các bên được lập bằng văn bản, về nội dung ghi ngày, tháng, năm mượn tiền, số tiền cụ thể và chữ ký của người vay tiền. Giữa các bên không có thỏa thuận lãi và thời hạn trả nợ, mặc dù chị N đòi nợ nhiều lần nhưng chị H không trả số tiền đã mượn là vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng như đã thỏa thuận, được quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Do đó việc chị N yêu cầu Tòa án buộc chị H trả số tiền 21.000.000đồng là đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị N không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét để giải quyết.

Từ những nhận định trên buộc chị Lê Thị Cẩm H phải có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị N toàn bộ số tiền nợ là 21.000.000đồng.

[3] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu của chị Trần Thị N được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lê Thị Cẩm H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên,***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Xử:**

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N.

Buộc chị Lê Thị Cẩm H phải có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị N toàn bộ số tiền nợ là 21.000.000đồng (hai mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất được xác định theo sự thỏa thuận giữa các bên nhưng không được vượt quá lãi suất giới hạn theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015. Nếu không có sự thỏa thuận thì mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, tại thời điểm thanh toán.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị N không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho chị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 525.000đồng (năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0006904 ngày 24/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Buộc chị Lê Thị Cẩm H phải nộp 1.050.000đồng (một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 08/9/2020, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Lê Ngọc Bình**